

**CÔNG TY CP
DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hội An, ngày 21 tháng 04 năm 2022

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
(Dự thảo)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An,
- **Căn cứ Nghị quyết số .../NQ.ĐHĐCD ngày 21 tháng 04 năm 2022**

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An bao gồm các nội dung sau.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên BKS.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại nhưng không quá 2 nhiệm kỳ liên tục.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - c. Không phải là người quản lý công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - d. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập được

- chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;
- f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ của công ty;
 - g. Có bằng đại học hoặc trên đại học một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát;
 - d. Theo dõi đơn đốc quá trình thực hiện kế hoạch công tác và duy trì hoạt động của Ban Kiểm soát theo quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - e. Đề xuất các giải pháp về các vấn đề liên quan đến hỗ trợ hoạt động Ban Kiểm soát như: nhân sự hỗ trợ, phương tiện làm việc cũng như chi phí chung của Ban Kiểm soát sau khi bàn bạc thống nhất các thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
 - g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ của công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng cử viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử 02 ứng cử viên; từ 20% trở lên được đề cử 03 ứng cử viên.

Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc phiên họp ĐHĐCĐ;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 103 và Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ quy định.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHCĐ.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác;
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có);
- h. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

**Chương III
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty;
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của công ty
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận quản lý rủi ro của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Có thể yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường hoặc yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.
14. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy

cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, Ban Điều hành, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.
23. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.
24. Trường Ban Kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.
2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
3. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
4. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc, các chi nhánh hoặc phòng chuyên môn liên quan của công ty cung cấp các văn bản, tài liệu số liệu:
 - a. Các văn bản hiện hành của Nhà nước có liên quan đến hoạt động của công ty, các văn bản của HĐQT, Điều lệ công ty, các văn bản, quy định hướng dẫn của Tổng giám đốc có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty;
 - b. Các báo cáo quý, năm, hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư, xây dựng cơ bản, lao động tiền lương;

- c. Các vấn đề có liên quan đến quản lý tài chính của công ty (bao gồm Báo cáo tài chính, báo cáo nghiệp vụ theo quy định của Nhà nước và công ty, báo cáo công nợ, các tài liệu sổ sách chứng từ kế toán có liên quan);
- d. Các báo cáo thanh tra, kiểm tra có liên quan đến hoạt động của công ty;
- e. Các báo cáo, số liệu định kỳ về hoạt động kinh doanh của công ty;
- f. Ban Kiểm soát có thể yêu cầu các Chi nhánh, các đơn vị trực thuộc, các công ty thành viên trong công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu phục vụ cho công tác giám sát, kiểm tra. Bộ phận cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về sự chính xác, trung thực của số liệu cung cấp.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của Ban Kiểm soát nhưng HĐQT không thực hiện.
2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ do công ty chi trả.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Các cuộc họp bất thường: Ban Kiểm soát triệu tập cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát trong thời hạn bảy (7) ngày sau khi có đề xuất phù hợp, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các Thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp; hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình hoặc ngay khi bắt

kỳ người nào sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- Chủ tịch HĐQT;
 - Trưởng Ban Kiểm soát;
 - Ít nhất hai phần ba thành viên HĐQT;
 - Ít nhất hai phần ba thành viên Ban Kiểm soát;
 - Những người khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Trưởng Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm triệu tập, chủ trì và chuẩn bị tài liệu phục vụ cuộc họp Ban Kiểm soát, phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu sử dụng tại cuộc họp đến thành viên Ban Kiểm soát bằng đường bưu điện hoặc thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên được đăng ký tại công ty ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp.
 5. Trưởng Ban Kiểm soát có thể giao cho một hay một số thành viên Ban Kiểm soát chuẩn bị trước các tài liệu có nội dung liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát hay các dự án, công việc cụ thể cần báo cáo trong cuộc họp Ban Kiểm soát.
 6. Cuộc họp của Ban Kiểm soát có thể tổ chức họp theo hình thức trực tiếp tại địa chỉ đăng ký của công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát và sự nhất trí của thành viên Ban Kiểm soát. Cuộc họp có thể được tổ chức trực tuyến khi tất cả hoặc một số các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau hoặc do các yêu cầu khác phát sinh tại thời điểm tổ chức. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Quy chế này hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo quy định này, thành viên tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó.
 7. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.
 8. Biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát:
 - a. Trừ quy định tại điểm b Khoản này, mỗi thành viên tại cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay;
 - b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng thành viên yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền từ thành viên khác để tham gia biểu quyết

- vấn đề đó;
- c. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết bằng cách gửi phiếu biểu quyết cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử và phải được chuyển đến Trưởng Ban Kiểm soát chậm nhất một giờ trước giờ họp;
 - d. Biểu quyết đa số: Ban Kiểm soát thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) thành viên có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
9. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua, nếu:
- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề được đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
10. Tùy theo nội dung và yêu cầu của cuộc họp, Ban Kiểm soát có thể mời Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, đại diện Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập và người quản lý khác tham dự và trả lời các vấn đề mà các Ban Kiểm soát quan tâm.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

1. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
Các cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực như nhau và trong trường hợp có sự khác biệt thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính;
 - b. Chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp, lý do và thành viên được ủy quyền thay thế;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
2. Chủ tọa, các thành viên tham dự họp và Thư ký ký tên trên Biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Ban Kiểm soát.
 3. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm chuyển biên bản họp Ban Kiểm soát cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp.
 4. Biên bản họp Ban Kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của HQT nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch
6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được

chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Thù lao và quyền lợi khác

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố

thông tin.

- Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ HOT. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước

- Ban Kiểm soát tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, kiểm soát theo quy định hiện hành.
- Ban Kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với các cơ quan quản lý Nhà nước trong trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.

Điều 21. Mối quan hệ với cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành

- Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo các vấn đề có liên quan về công tác giám sát nếu có yêu cầu bằng văn bản từ các cổ đông lớn/nhóm cổ đông lớn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Ban Kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.

- Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với bộ phận kiểm toán nội bộ và các phòng ban khác

- Ban Kiểm soát được sử dụng bộ phận kiểm toán nội bộ để tiến hành công tác kiểm tra, quản lý và điều hành theo đúng quy định pháp luật và quy định của Công ty.
- Bộ phận kiểm toán nội bộ công ty có nhiệm vụ cung cấp cho Ban Kiểm soát kế hoạch/chương trình kiểm tra nội bộ, đề cương kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra do các bộ phận này thực hiện.
- Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu các Ban trong Công ty (ban Nghiệp vụ, ban Quản trị Nghiệp vụ và Bồi thường, Ban Quản lý rủi ro...) giải trình các công

việc thực hiện, xuất trình các tài liệu liên quan nhằm phục vụ cho việc giám sát, kiểm tra.

Điều 23. Chế độ thông tin

1. HĐQT, Tổng giám đốc và những người quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
2. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi và bổ sung Quy chế

1. Trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật, của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban Kiểm soát.
2. Những nội dung không được quy định trong Quy chế này hoặc được quy định nhưng mâu thuẫn với các quy định pháp luật liên quan và Điều lệ công ty về cùng một vấn đề thì các quy định tại pháp luật liên quan và Điều lệ công ty được ưu tiên áp dụng.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở ý kiến đề xuất của Ban Kiểm soát.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An bao gồm VII chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ **ngày 21 tháng 04 năm 2022**.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT; BĐH;
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN